

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

QUÝ III - NĂM 2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	59,512,859,169	54,543,741,178
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1,224,030,634	7,061,371,459
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	30,013,876,323	19,970,253,779
4	Hàng tồn kho	26,662,407,560	26,281,423,892
5	Tài sản ngắn hạn khác	1,612,544,652	1,230,692,048
II	Tài sản dài hạn	33,121,747,246	36,184,698,772
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2	Tài sản cố định	25,037,281,796	28,108,441,172
	- Tài sản cố định hữu hình	24,191,042,660	27,065,935,490
	- Tài sản cố định vô hình	0	0
	- Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	- Chi phí XDCB dở dang	846,239,136	1,042,505,682
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8,076,257,600	8,076,257,600
5	Tài sản dài hạn khác	8,207,850	0
III	Tổng cộng tài sản	92,634,606,415	90,728,439,950
IV	Nợ phải trả	19,558,198,461	13,768,431,287
1	Nợ ngắn hạn	19,099,191,956	13,309,424,782
2	Nợ dài hạn	459,006,505	459,006,505
V	Nguồn vốn chủ sở hữu	73,076,407,954	76,960,008,663
1	Vốn chủ sở hữu	72,177,366,367	76,342,250,076
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	38,000,000,000	38,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	4,590,000,000	4,590,000,000
	- Cổ phiếu quỹ	0	0
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
	- Các quỹ	22,664,931,078	22,664,931,078
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6,922,435,289	11,087,318,998
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	899,041,587	617,758,587
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	899,041,587	617,758,587
	- Nguồn kinh phí	0	0
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	0	0
VI	Tổng cộng nguồn vốn	92,634,606,415	90,728,439,950

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Luỹ kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	49,410,594,279	147,770,516,498
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	298,827,368
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ	49,410,594,279	147,471,689,130
4	Giá vốn hàng bán	41,658,659,508	126,820,825,572
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7,751,934,771	20,650,863,558
6	Doanh thu hoạt động tài chính	259,587,147	510,019,281
7	Chi phí tài chính	361,930	570,534
8	Chi phí bán hàng	352,415,824	882,618,887
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,054,942,618	7,605,278,914
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4,603,801,546	12,672,414,504
11	Thu nhập khác	284,496,872	309,732,472
12	Chi phí khác	49,259,584	89,915,584
13	Lợi nhuận khác	235,237,288	219,816,888
14	Tổng LN kế toán trước thuế	4,839,038,834	12,892,231,392
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	674,155,125	1,804,912,394
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	4,164,883,709	11,087,318,998
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,096.02	2,917.72
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Bim sơn, ngày 20 tháng 10 năm 2009

GIÁM ĐỐC CÔNG TY